

Một Góc Khác của T. T. Nguyễn Văn Thiệu

Nguyễn Đạt Thịnh

Nhà văn Trần Phong Vũ vừa phỏng vấn ông Nguyễn Văn Ngân, phụ tá đặc biệt của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu Nội dung cuộc phỏng vấn giúp chúng ta hiểu thêm một vài góc cạnh khác của ông Thiệu, nhưng không trả lời được câu hỏi đau xót nhất là vai trò của ông trong việc phá tan hai quân đoàn 1 và 2, và để mất một nửa đất nước. Ông có thi hành mệnh lệnh của Hoa Kỳ không? Thái độ của ông, bỏ đất nước, bỏ dân chúng và quân đội để thoát thân chạy theo vợ, con ra ngoại quốc có là chỉ dấu cho thấy ông "mua" sự an toàn của bản thân và gia đình ông bằng cái giá dâng hiến đất nước cho Việt Cộng không?

Trung tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân Đoàn 1 và thiếu tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh Quân Đoàn 2, đã nêu lên nhiều nghi vấn về những mệnh lệnh rút quân của ông. Tôi trân trọng đề nghị nhà văn Trần Phong Vũ và ông Nguyễn Văn Ngân khai phá những điểm còn gói kín bí mật này. Ông Ngân có thể không biết chi tiết, nhưng chắc chắn ông cũng có thể giúp đánh giá thái độ của ông Thiệu trong những ngày Việt Nam bị bức tử, có thể với sự đồng loã của ông Thiệu. Ông Vũ giải thích nguyên nhân ông thực hiện cuộc phỏng vấn, và giới thiệu ông Ngân:

"Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, vai chính nắm giữ chìa khóa mở vào những bí ẩn của một giai đoạn lịch sử, đã vĩnh viễn ra đi ngày 29-9-2001 không để lại một vết tích nào, ít nữa là về phía ông. Không hỏi ký. Không đi chúc chính trị. Ông lặng lẽ trở về lòng đất mang theo một trời tâm sự u uẩn của một nhà lãnh đạo từng được dư luận đặt lên bàn cân với nhiều suy đoán, nhận định, lượng giá khác nhau, đôi khi đối nghịch nhau. Một khuôn mặt thời cơ? Một kẻ tham quyền cố vị? Một lãnh tụ gan lì, nham hiểm, nhiều thủ đoạn? Một người yêu nước cô đơn? Một nhà lãnh đạo quốc gia thông minh, mưu trí, nhưng... sinh bất phùng thời.

Do một trùng hợp tình cờ, 5 năm sau ngày TT Thiệu từ trần, chúng tôi đã gặp gỡ ông Nguyễn Văn Ngân, nguyên Phụ tá đặc biệt về chính trị của TT Nguyễn Văn Thiệu dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa để thực hiện cuộc phỏng vấn này trong nhiều ngày của tháng 9 năm nay (2006). Là một cộng sự viên lâu năm và là một Phụ tá trẻ tuổi nhất trong số những Phụ tá đặc biệt của TT Thiệu, ông Ngân thường được giới báo chí ngày đó coi là một khuôn mặt bí ẩn. Đối với các chính khách "vòng trong" thì ông là người đã nắm giữ nhiều quyền lực quan trọng trong hậu trường chính trị miền Nam bấy giờ.

Ông Nguyễn Văn Ngân khởi sự làm việc với TT Thiệu năm 1965, thời gian ông Thiệu giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng trong chính phủ Phan Huy Quát. Năm 1967, ông là đại diện của Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia trong liên danh Nguyễn Văn Thiệu – Nguyễn Cao Kỳ tại Hội đồng Tuyển cử Trung ương, trong cuộc chạy đua vào dinh Độc lập. Năm 1971, TT Thiệu ủy nhiệm ông chỉ đạo toàn bộ cuộc bầu cử tháng 10-71; ông là tác giả đạo luật bầu cử tổng thống với điều 10 khoản 7 đưa đến tình trạng độc cử. Năm 1974, ông là tác giả tu chính án Hiến pháp tháng 01-74 gia tăng nhiệm kỳ 3 tổng thống. Ông là người trách nhiệm điều hợp các cơ chế hiến định: Quốc hội, Tối cao Pháp viện, Giám sát viện... và có ảnh hưởng quan trọng đến sinh hoạt của các cơ chế này; đồng thời là người tổ chức đảng Dân Chủ là đảng cầm quyền của TT Thiệu gồm hệ thống quân chủng, chính quyền và quân đội. Tháng 5-1974 ông bị TT Thiệu giải nhiệm và buộc phải rời khỏi Việt Nam. Cuối tháng 01-75, ông từ Mỹ và Gia nã đại về nước. Đầu tháng 4 năm ấy ông bị TT Thiệu hạ lệnh cho cơ quan an ninh "cô lập" và chỉ được trả tự do sau khi TT Thiệu rời Việt Nam đi Đài Loan tối ngày 25- 4-1975.

Ông Vũ hỏi ông Ngân,

H. - Dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng như Tổng thống Thiệu, sự lãnh đạo đều có tính cách chuyên hoạnh cá nhân. Điều này có phải vì đầu óc độc tôn, tham quyền cố vị của lãnh tụ như hiện tượng phổ quát trong hầu hết các quốc gia chậm tiến?

Đ. - Tại miền Nam Việt Nam dưới thời Tổng thống Diệm và Tổng thống Thiệu có nhiều nguyên nhân đưa đến tình trạng lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân: nền dân chủ phôi thai, sinh hoạt chính đảng yếu kém, xã hội phân hóa, chiến tranh v.v..nhưng một trong những nguyên nhân chính có tính cách quyết định là chính sách can thiệp của người Mỹ.

Người Mỹ đã thay thế người Pháp với chính sách thực dân mới. Vào thế kỷ 19 người Pháp nhân danh khai hóa để khai thác tài nguyên thuộc địa, nay người Mỹ nhân danh dân chủ để khai thác xương máu người Việt Nam trong việc thiết lập một tiền đồn chống Cộng tại Đông Nam Á của chủ thuyết Domino. Người Mỹ đến Việt Nam không vì quyền lợi người Việt Nam mà vì quyền lợi người Mỹ. Nền dân chủ mà người Mỹ xiển dương khi can thiệp vào Việt Nam là nền dân chủ được định nghĩa trong quyền lợi của Mỹ, một thứ pho sản được dùng làm bình phong để thực hiện chính sách chia để trị, thiết lập đạo quân thứ năm, khuyến khích tình trạng vô chính phủ, nội loạn... để dễ bề khuynh loát và khi cần thiết để thực hiện các cuộc đảo chánh và ám sát lãnh tụ quốc gia bằng bàn tay của các tay sai bản xứ.

Chính sách viện trợ hoàn toàn có tính cách tiêu thụ đã được xử dụng như lưỡi gươm Damoclès. Trong khi viện trợ của Nga-Tàu cho Bắc Việt nặng tính cách sản xuất thì viện trợ của Mỹ cho miền Nam Việt Nam hoàn toàn có tính cách tiêu thụ. Trong thời chiến Bắc Việt có khu kỹ nghệ nặng gang thép Thái Nguyên và cục quân giới của tướng Trần đại Nghĩa có khả năng cải tiến Sam 2 bằng cách ngăn chặn hệ thống nhiễu sóng radar và đạt tầm cao hạ máy bay B52 của Mỹ bấy giờ được xem là loại máy bay bất khả xâm phạm có sức oanh tạc phá hoại ghê gớm – thì kỹ nghệ quốc phòng của miền Nam Việt Nam là con số không. Những dự án xây dựng cơ sở đúc súng đạn, nhà máy lọc dầu, phân bón... từ thời tổng thống Ngô Đình Diệm đều bị người Mỹ ngăn chặn.

Đối với một dân tộc, dù viện trợ có tính cách sản xuất, muốn xử dụng hữu hiệu cũng đòi hỏi phải có tinh thần tự lực, tự cường; hướng hồ dân tộc đó vừa thoát khỏi ách đô hộ trăm năm của thực dân Pháp, chính sách viện trợ hoàn toàn có tính cách tiêu thụ chỉ nhằm mục đích làm tê liệt ý chí đề kháng và nô lệ hóa. Cùng với chính sách viện trợ có tính cách tiêu thụ và nhân danh dân chủ để can thiệp vào nội bộ quốc gia được viện trợ, chính quyền của quốc gia được viện trợ bị xem là công cụ của ngoại bang, đã đẩy một số quần chúng đi về phía cộng sản và dưới mắt thế giới Việt Nam Cộng Hòa đã bị cô lập, cuộc chiến đấu bảo vệ dân chủ và tự do của nhân dân miền Nam Việt Nam bị mất chính nghĩa.

Những khó khăn thực sự của ông Diệm và ông Thiệu phát xuất từ chính sách can thiệp của người Mỹ, có thể nói nếu giải quyết được những khó khăn này thì sẽ giải quyết được 90% những khó khăn trong việc xây dựng đất nước và chống cộng. Để đối phó với chính sách hai mặt của người Mỹ, ông Diệm và ông Thiệu bị dồn vào thế lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân, và như một vòng luẩn quẩn không lối thoát, sự lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân đã làm mất hậu thuẫn rộng rãi trong quần chúng. Chính sách thực dân mới của người Mỹ là yếu tố có tính cách quyết định đã làm sụp đổ miền Nam Việt Nam. Sau thế chiến thứ I, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thế Truyền đã đưa ra một bản cáo trạng lên án thực dân Pháp, thiết tưởng chế độ thực dân mới của Mỹ còn tàn bạo gấp nhiều lần so với thực dân cũ vì sau 30/4/75 Việt Nam Cộng Hòa đã hoàn toàn bị xóa sổ trên bản đồ thế giới.

H. - Ông có đồng ý rằng chế độ đệ I và đệ II Cộng hòa cũng như ông Diệm và ông Thiệu đã được Hoa Kỳ yểm trợ nếu không muốn nói là đã góp phần quyết định?

Đ. - Không ai phủ nhận điều đó. Cũng như chế độ miền Bắc với Hồ Chí Minh. Đó là hậu quả đương nhiên của một thế giới lưỡng cực sau thế chiến thứ hai mà Việt Nam là một điểm nóng trong cuộc tranh chấp giữa tư-bản và cộng-sản. Người ta có thể nói Hồ Chí Minh là công cụ của cộng-sản quốc tế nhưng ông Diệm và ông Thiệu trong thực tế không phải là tay sai của Mỹ.

Hồ Chí Minh đã áp đặt chế độ cộng sản trên đất nước, thay thế xiềng xích nô lệ thực dân, phong kiến bằng xiềng xích cộng sản; sự dã man và tàn bạo như thế nào thì tất cả mọi người đều biết. Và hậu quả di lụy của tinh thần nô lệ đã khiến cho một dân tộc vốn giàu lòng hy sinh, siêng năng, nhẫn nại, đã chiến thắng trong chiến tranh nhưng đã thất bại trong hòa bình – đất nước tụt hậu trong đà tiến của nhân loại. Sau Hiệp Định Genève 1954, người Pháp rút lui để lại miền Nam Việt Nam hoàn toàn bị kiệt quệ vì chiến tranh – để chống lại cộng sản quốc tế và Bắc Việt, chúng ta chỉ còn tài nguyên nhân lực là máu để đánh đổi viện trợ Mỹ cùng với các điều kiện áp đặt, không còn một sự lựa chọn nào khác. Ông Diệm và ông Thiệu đã lãnh đạo đất nước trong những điều kiện vô cùng khó khăn: xây dựng chế độ dân chủ trên một xã hội băng hoại bởi phân hóa với lịch sử ngàn năm phong kiến, nô lệ ngoại bang, chưa hề kinh qua một giai đoạn quá độ có ý niệm về dân chủ, tự do – không phải là một công việc dễ dàng; đồng thời phải chống lại xâm lăng cộng sản và chính sách thực dân mới của đồng minh Mỹ, những người quốc gia Việt Nam đã phải chiến đấu sinh tồn trong một hoàn cảnh nghiệt ngã, trong cái thế trên đe dưới búa, giữa gọng kềm tư bản và cộng sản.

Chế độ đệ I và đệ II Cộng Hòa của miền Nam trước 1975 đều có nhiều khuyết điểm nhưng không ai có thể phủ nhận rằng các cấu trúc chính trị, xã hội, kinh tế ngày đó đã đặt nền móng vững chắc làm bệ phóng dẫn đầu những con rồng Á Châu sau này để trở thành một quốc gia hùng cường tại Đông Nam Á. Tổng thống Ngô Đình Diệm là một nhà ái quốc, người của chủ nghĩa dân tộc, đã bị người Mỹ giết vì bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chính biến 1/11/63 và cái chết của ông là sự thất bại chung cho tất cả mọi người quốc gia Việt Nam về một giải pháp quốc gia. Hậu quả là việc quân đội Mỹ trực chiến và sự sụp đổ miền Nam Việt Nam 30/4/75. Chúng ta đã bị lôi kéo vào một cuộc chiến hoàn toàn không cần thiết vì đã không làm chủ được số phận của mình và tất cả dân tộc Việt Nam đều là nạn nhân với hơn hai triệu thương vong, hơn bảy triệu tàn phế, hơn hai triệu người bỏ nước ra đi tị nạn với hàng vạn người vùi thân trong biển cả, đất nước đổ nát...

Thời Tổng thống Thiệu khó khăn hơn thời Tổng thống Diệm rất nhiều: hơn nửa triệu lính Mỹ trấn đóng; tòa Đại sứ Mỹ thực tế là một chánh phủ Mỹ tại hải ngoại với một hệ thống cố vấn dày đặc trong tất cả mọi lãnh vực sinh hoạt quốc gia từ trung ương tới địa phương; số lượng nhân viên CIA chỉ sau trụ sở trung ương (Langley), là chi nhánh có nhân viên đông nhất trên thế giới; và ông Thiệu đã phải đối phó với một nghịch lý: trong khi khối cộng sản quốc tế và Bắc Việt tiếp tục leo thang chiến tranh thì người Mỹ thực hiện giải kết bằng cách rút quân trên chiến trường và nhượng bộ chính trị trên sinh mạng miền Nam Việt Nam tại hội đàm Paris.

Trong cuộc chiến chống cộng và suốt thời gian lãnh đạo quốc gia, có thể nói 90% thời giờ của ông Thiệu được xử dụng trong nỗ lực không ngừng để tranh thủ và đối phó với người Mỹ mặc dầu phạm vi xoay sở của ông mỗi ngày một thu hẹp; lý do giản dị là chánh sách của Mỹ sẽ quyết định sinh mạng của miền Nam Việt Nam chứ không phải cộng sản. Trong đời chánh trị của ông Thiệu có hai kẻ thù chính là cộng sản và Mỹ, và ông đã mang mối hận thù xương tủy người Mỹ đến tận cuối đời. Năm 1983, một buổi chiều ông lái xe cho tôi xem thành phố Londres, ông chỉ vào cái ảnh nhỏ của đứa con út sinh tại Londres sau 1975 gắn gần tay lái, ông nói: khi nó mới tập nói, tôi dạy cho nó: "kẻ thù của con là cộng sản và Mỹ...". Lúc ông chết, ý nguyện của ông muốn hỏa táng để đem tro cốt về Việt Nam nếu có điều kiện, không thì sẽ rải xuống biển chứ không muốn chôn trong lòng đất Mỹ.

H. - Dù sao ông Thiệu đã cầm quyền 10 năm từ 1965-1975, -hòa đàm Paris kéo dài từ 1968 đến 1973— thời gian đủ để tiên liệu và thực hiện những biện pháp cần thiết hầu ứng phó với vấn đề giải kết của Hoa Kỳ nhưng ông Thiệu đã hoàn toàn thụ động. Theo ông, phải chăng tình trạng này đã đóng góp vào sự sụp đổ của miền Nam ngày 30/4/75?

Đ. - Ông Thiệu thực sự cầm quyền qua cuộc bầu cử tháng 9/1967. Trong khi quân đội Mỹ còn đổ quân vào Việt Nam thì ông Thiệu đã đưa vấn đề giải quyết chiến tranh như một trong ba vấn đề căn bản của chương trình tranh cử: Xây dựng dân chủ - Giải quyết chiến tranh – Cải tạo xã hội. Sau vụ Tết Mậu thân 1968, ông Thiệu là người chủ động đưa ra đề nghị Hoa Kỳ có thể thực hiện việc rút quân từng giai đoạn trong mục tiêu tranh thủ thời gian đổi lấy viện trợ kinh tế và quân sự vì ông hiểu Việt Nam Cộng Hòa sẽ không có tư thế tại hội nghị hòa đàm nếu không chủ động trên chiến trường v.v...

Nếu cai trị là tiên liệu thì ông Thiệu là người có khả năng tiên liệu nhưng ông không có khả năng để thay đổi được chánh sách của Hoa Kỳ trong chiến lược toàn cầu mà vị thế địa lý chánh trị của miền Nam Việt Nam không còn nằm trong quyền lợi ưu tiên của Mỹ, mặt khác, chúng ta không còn ở vào thời đại có thể dùng "tầm vông vọt nhọn" để chống trả với quân thù. Năm 1967 cùng với việc tiếp tục đổ quân vào Việt Nam đại sứ Bunker đã được tổng thống Johnson gởi sang Việt Nam với sứ mạng thực hiện việc giải kết để rút quân. Khi Nixon thắng cử 1968, đại sứ Bunker đã được yêu cầu lưu nhiệm cho đến tháng 5/1973 sau khi Mỹ đã thực hiện xong việc rút quân và lấy lại tù binh.

Chính sách của đảng Dân Chủ và Cộng Hòa Mỹ trong vấn đề giải kết chiến tranh Việt Nam hoàn toàn có tính cách nhất quán. Nếu sau Hiệp Định Genève 1954, người Mỹ ủng hộ ông Ngô Đình Diệm lật đổ Bảo Đại để thiết lập nền đệ I Cộng Hòa (1956 – 1963) như căn bản chánh trị để biện minh cho nhân dân Hoa Kỳ và thế giới về chính nghĩa của sự can thiệp vào Việt Nam nhằm ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản tại Đông Nam Á, thì năm 1967, người Mỹ đã áp lực chánh quyền quân nhân phải khai sinh nền đệ II Cộng Hòa, thực hiện chánh quyền dân chủ hợp hiến, hợp pháp để đưa Việt Nam Cộng Hòa vào bàn hội nghị và tạo bàn đạp cho Hoa Kỳ hòa đàm với cộng sản để rút quân, lấy lại tù binh, chấm dứt sự can thiệp và để miền Nam cho các

phe phái chính trị tự giải quyết trên căn bản "dân tộc tự quyết", điều mà hai thập niên trước đó Hoa Kỳ không bao giờ chấp nhận.

H. - Ông nghĩ sao về nỗi căm phẫn của đại đa số quần chúng đối với ông Thiệu sau 30/4/75?

Đ. - Quần chúng đánh giá lãnh đạo qua sự thành bại, họ có quyền căm phẫn vì họ là lớp người bị hy sinh nhiều nhất cho đất nước cũng như phải gánh chịu những hậu quả bi đát nhất sau 30/4/75 – nỗi căm phẫn của họ là chính đáng; hơn nữa người lãnh đạo cũng như thuyền trưởng một con tàu, dù tàu chìm bởi bất cứ lý do gì thì thuyền trưởng phải là người rời tàu sau cùng hoặc phải chết theo tàu; mặt khác họ không ở cương vị để có thể nhìn vào mặt trái của cuộc chiến - vừa có tính cách nội chiến vừa có tính cách ủy-nhiệm mà những yếu tố quyết định hoàn toàn nằm ngoài tầm tay của người quốc gia.

Tôi nhớ vào khoảng 1990 ông Thiệu có buổi nói chuyện với một số đồng bào tại Westminster, California, một người đàn bà được một tổ chức chống đối sắp đặt đã cầm micro chửi bới ông Thiệu nặng nề. Ông Thiệu chỉ trả lời: tôi rất thông cảm với nỗi căm phẫn của bà. Tôi hiểu sự im lặng của ông, nỗi cô đơn và cay đắng ông đã mang theo đến cuối đời. Ông Thiệu đã chết chắc hẳn không cần tôi biện hộ. Tôi cũng không làm công việc biện hộ mà chỉ nói lên sự thực mà tôi biết – tôi không có bổn phận tranh luận với bất cứ ai và cũng không nhằm thuyết phục bất cứ người nào

Đối với tôi, nói những điều tốt mà người ta không có cũng tệ hại như nói những điều xấu mà người ta không phạm phải vì tất cả đều là dối trá – nhất là đối với những người có đời sống công liên hệ đến vận mạng quần chúng thì còn là vấn đề trách nhiệm. Ông Thiệu có những lỗi lầm trầm trọng trong vấn đề lãnh đạo quốc gia cũng như có những sai phạm cá nhân ảnh hưởng đến uy tín lãnh đạo. Ông là một nhà chính trị thực tiễn mà hoàn cảnh và môi trường trưởng thành không thể tạo ông thành một kẻ tử đạo. Tuy nhiên đến nay tôi vẫn nghĩ rằng nếu sự hy sinh có thể cứu vãn tình thế thì ông sẽ không từ nan. Lần tôi gặp lại ông ở Londres, ông nói như tâm sự: làm một người lính ra trận và hy sinh là một hành động dũng cảm, nhưng làm sao có thể sống sót để tiếp tục cuộc chiến đấu thì thật là khó. Xét định một con người cần nhìn vào tổng thể và đặc biệt là những giờ phút nghiêm trọng sinh mạng bị thử thách. Không thể chỉ dùng những sự việc tiêu cực để tổng quát hóa mà phải xét đến các mặt tích cực của cá nhân đó. Tuy nhiên việc định công luận tội là công việc của lịch sử sau này

H. - Nhiều hòi ký chánh trị nói rằng ông Thiệu luôn luôn bị ám ảnh bởi việc người Mỹ thăm sát các ông Diệm, Nhu nên thường thay đổi chỗ ngủ hàng đêm v.v... Điều này có thực không, và nếu thực thì đã ảnh hưởng như thế nào đến vấn đề lãnh đạo.

Đ. - Hàng năm đến 1/11, ông Thiệu có xin thánh lễ cầu hồn cho cố tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu tại dinh Độc-Lập. Ông Thiệu có kể cho tôi nhiều lần về sáng 2/11/63 sau khi thanh toán mục tiêu dinh Gia-Long, ông về trình diện Bộ Tổng – Tham- Mưu và sau đó có ra lệnh cho lính mở bưng thiết vận xa để chào thi hài ông Diệm, Nhu trước khi về nhà.

Tôi thường qua chỗ ở của ông Thiệu để làm việc những khi ông không qua văn phòng và có khi làm việc trong phòng ngủ khi ông bị đau, tôi không thấy dấu hiệu thay đổi chỗ ngủ hàng đêm như đồn đại sau này. Có những biện pháp an ninh lúc ông đi ra ngoài, chẳng hạn mặc áo chắn đạn, hoặc cái podium ông đứng nói chuyện ngoài bằng gỗ nhưng trong có tấm thép chắn đạn, những biện pháp an ninh đặc biệt trong các cuộc diễn binh v.v... Tôi không để ý những chuyện này, đây là công việc của bộ phận an ninh. Chỉ có điều là những đề phòng này nhằm về phía Mỹ hơn là cộng sản.

Thực ra ông Thiệu đã sống trong sự đe dọa thường trực của người Mỹ về đảo chánh và ám sát suốt thời gian từ lúc cầm quyền 1967, đến lúc rời Việt Nam đi Đài Loan 1975. Đồng minh Mỹ là một đồng minh bất trắc, khó tiên liệu, và ông Thiệu luôn ở trong tình trạng của người làm xiếc đi dây nguy hiểm. Có lần tôi lưu ý ông Thiệu về trường hợp Tổng Thống Magsaysay, Lý Thừa Vãn, Ngô Đình Diệm..., ông Thiệu nói với tôi là ông không có an ninh...

Trong giai đoạn giải kết, quyền lợi của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng Hòa tách rời đi đến đối nghịch, trong khi đó quyền lợi của Hoa Kỳ và của cộng sản xích lại gần nhau để đi đến thỏa hiệp chung. Nếu cộng sản áp dụng chính sách vừa đánh vừa đàm với Việt Nam Cộng Hòa và phối hợp cuộc đấu tranh trên các mặt trận chính trị,

quân sự, ngoại giao... thì chính sách của "đồng minh" Hoa Kỳ đối với "đồng minh" Việt Nam Cộng Hòa cũng tương tự: cà rốt và cây gậy đã được áp dụng triệt để với ông Thiệu trên mọi bình diện để buộc Việt Nam Cộng Hòa phải chấp nhận đường lối thương thuyết nhượng bộ cộng sản của Mỹ. Người Mỹ đã tiếp tay với cộng sản trong việc cổ vũ, ủng hộ các phong trào phản chiến, đòi hòa bình, hòa hợp hòa giải dân tộc, lực lượng thứ ba... mà thực chất là những tổ chức trá hình của cộng sản nhằm phá vỡ thế hợp hiến, hợp pháp của chế độ VNCH, và đã không ngần ngại đâm sau lưng những người lính VNCH đang chiến đấu trong cái gọi là chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh" để người Mỹ rút quân. Ông Thiệu nói với tôi vụ sự đoàn 3 rút bỏ Quảng- trị 1972 là một "sabotage politique".

Nixon đã viết thư cho ông Thiệu nhắc đến ý đồ thanh toán ông Thiệu của chính quyền Johnson vào năm 1968 và vụ đảo chánh 1/11/63 như một đe dọa trực tiếp nếu ông Thiệu không tuân thủ những đòi hỏi của Mỹ. Vào những tháng cuối trước khi ký HĐ Paris, ông Thiệu nuôi ý định tự sát như một phương cách chống trả cuối cùng. Vào lúc căng thẳng này chúng tôi đã triệu tập đại hội nghị viên toàn quốc về Saigon, tuần hành vào dinh Độc Lập cùng các dân biểu, nghị sĩ ủng hộ lập trường "bốn không" của ông. Tài liệu của đại sứ Bunker đã ghi nhận ý định tự sát này của ông Thiệu qua một báo cáo của ông Trần Thiện Khiêm ghi âm cuộc đối thoại giữa ông Thiệu, Khiêm. Chính ý định tự sát này đã khiến ông Thiệu "lì lợm" trước những đe dọa của Nixon và đã đưa đến những nhượng bộ của Nixon bằng những cam kết mật. Mỗi lần nhớ đến ông Thiệu, thực sự tôi không nghĩ đến những vinh quang bề ngoài của một Tổng Thống mà là những chuỗi ngày khó khăn của đất nước, những áp lực có tính cách quyết định ngày đó của Hoa Kỳ đã đè nặng lên ông, ông đã chiến đấu như một người lính đơn độc không vũ khí, bằng lòng dũng cảm và sinh mạng của chính mình. Tôi không có đức tin tôn giáo nhưng tôi vẫn cầu mong cho ông, một tín đồ ki-tô-giáo, được bình an và thanh thản nơi vĩnh hằng.

H. - Có phải tổng thống Thiệu nói với ông là việc sự đoàn 3 tháo chạy đã để lại "đại lộ kinh hoàng" và Quảng- trị thất thủ vào tháng 5/72 là một "sabotage politique" của người Mỹ?

Đ. - Đúng như vậy. Hậu quả đã để lại hơn 20 ngàn thương vong trên "đại lộ kinh-hoàng."

H. - Ông Thiệu đã nói với ông trong bối cảnh nào

Đ. - Ngay hôm Quảng-trị thất thủ. Hôm đó vào lúc xế chiều tôi đang họp trung ương đảng bộ Dân – Chủ tại lầu nhà trắng trong khuôn viên dinh Độc-Lập thì được điện thoại của nhân viên văn phòng cho biết đại tá Đỗ Đức Tâm, thuyết trình viên quân sự của Tổng-Thống đang có mặt tại Văn Phòng của tôi để thuyết trình về tình hình quân sự sau khi vừa thuyết trình cho Tổng-Thống xong.

Vì bận họp nên tôi yêu cầu đại tá Tâm gặp tôi tại lầu nhà trắng để thuyết trình cho tất cả cùng nghe. Sau phần thuyết trình, tôi nhớ rõ câu hỏi sau cùng của nghị sĩ Trần Trung- Dung, nguyên Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng của tổng thống Diệm: "...liệu chúng ta có giữ được Quảng-trị không?" Đại tá Tâm "...chắc chắn chúng ta giữ được." Chừng nửa giờ sau, điện thoại trên bàn họp reo, tôi nhắc máy, đầu dây là đại tá Tâm cho biết trung tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh quân đoàn I vừa điện trình Tổng Thống là Quảng trị đã thất thủ trưa hôm nay. Sự việc cho thấy là trung-tướng Lãm không biết sự đoàn 3 rút bỏ Quảng-trị và như vậy là đã có một "sự cố bất thường" xảy ra nên tôi bỏ phòng họp đi gặp tổng thống Thiệu ngay lúc đó. Tôi thấy ông rất bình tĩnh. Ông nhìn tôi nói: tôi điện thoại gần như mỗi ngày cho ông Lãm về tình hình quân sự Quảng-trị, tối qua tôi còn nhắc ông Lãm phải coi chừng "thằng cộng sản" ngày 1/5, ông Lãm bảo đảm với tôi là không việc gì, thế mà như vậy. Ông dặn mạnh: đây là một "sabotage politique". Lúc bấy giờ chỉ có tôi và ông.

Những chuyện như vậy thuộc loại "cấm kỵ" không phải có thể nói với bất cứ ai và không bao giờ ông nói khi có sự hiện diện của người thứ ba. Đó là nguyên tắc ngăn cách ông vẫn thường áp dụng và cũng là cách để bảo đảm sự an toàn cho chính ông. Trong trường hợp này, ông Thiệu là người duy nhất có đủ yếu tố chính trị để thẩm định, vì ông là người trực tiếp chịu các áp lực của Mỹ. Bấy giờ là tháng 5/1972, trong mật đàm Paris Mỹ và cộng sản đã đạt được các thỏa thuận căn bản, chỉ còn trở ngại về phía ông Thiệu. Gần đây tôi có đọc một chứng liệu của đại-sứ Bunker thuật lại phiên họp tại dinh Độc-Lập một ngày sau khi Quảng-trị thất thủ giữa đại-sứ Bunker, tướng Abrams và tổng thống Thiệu. Ông Thiệu đã không hề quy trách cho các giới chức quân sự Việt Nam, ông im lặng một cách khó hiểu và mãi đến phút cuối cùng "bật nói" :..." không có lý do gì Quảng trị lại bị thất thủ, tướng Giai phải chịu trách nhiệm về việc này"

Tướng Vũ văn Giai, Tư lệnh sự đoàn 3 giới tuyến, được di tản bằng trực thăng của Mỹ, bỏ lại binh sĩ và dân chúng với "đại lộ kinh hoàng" - đã bị đưa ra Tòa án quân sự, bị tước đoạt binh quyền và ở tù. Tổng thống

Thiệu đã ra lệnh tái chiếm Quảng trị ngay sau đó mặc dầu biết rằng Quảng trị sẽ thành một đồng gạch vụn, sẽ phải hy sinh những người lính thiện chiến của những đơn vị thiện chiến nhất mà tổn thất khó có thể bù đắp được trong thực tế bấy giờ – nhưng ông đã phải quyết định như vậy, một quyết định chính trị để chứng tỏ quyết tâm của quân dân miền Nam với thế giới, với nhân dân Hoa-Kỳ, nhằm chống trả các thỏa hiệp mật giữa cộng sản và Mỹ mà sau này được cụ thể trong Hiệp Định Paris 1973.

Cũng tương tự như vậy, việc Trung Cộng chiếm Hoàng Sa vào đầu năm 1974 đã được sự thỏa thuận ngầm của Mỹ để đặt cộng sản Hà Nội sau này trước một "fait accompli". Ông Thiệu biết Hải Quân Việt Nam không đủ sức đương đầu với hải quân Trung Cộng và hạm đội 7 Hoa Kỳ sẽ không can thiệp nhưng ông vẫn ra lệnh tái chiếm như một chứng liệu về chủ quyền lãnh thổ sau này. Bởi chính sách hai mặt của Hoa Kỳ, nhiều áp lực nặng nề riêng cá nhân ông phải chịu đựng không được chia sẻ và trong nhiều trường hợp ông phải đưa ra những quyết định chuyên độc mà không thể giải thích với đồng bào cùng chiến hữu của ông.

H. - Nhận định của ông Thiệu về vụ sự đoàn 3 tháo chạy có mâu thuẫn với các quyết định của người Mỹ mở rộng chiến tranh qua các cuộc tấn công của QLVNCH vào hậu cần của cộng sản tại Miền năm 1970 và hành quân Lam Sơn 719 ở Hạ Lào 1971 hay không?

Đ. - Không. Các cuộc tấn công vào hậu cần cộng sản tại Miền 1970 và Hạ Lào 1971 chỉ có tính cách nhất thời nhằm mục đích chính là dùng xương máu của quân đội VNCH để mở rộng hành lang an toàn cho việc triệt thoái quân đội Mỹ.

Ông Thiệu miễn cưỡng phải chấp nhận mở cuộc hành quân Lam Sơn 1971 vì Hạ Lào tiếp giáp với hậu phương lớn Bắc Việt. Khi có dấu hiệu sa lầy ông đã ra lệnh cho trung tướng Hoàng Xuân Lãm đưa ngay một đơn vị vào Tchepone "đái một bãi" (nguyên văn) và rút ra ngay lập tức. Cần lưu ý là chương trình rút quân của Mỹ không phụ thuộc vào khả năng thay thế của quân lực VNCH, và chương trình Việt Nam hóa thực chất chỉ nhằm yểm trợ cho việc rút quân của Mỹ chứ không phải để VNCH có đủ sức đề kháng và tồn tại.

H. - Sau này, nhiều người trong đó có những viên chức chính phủ của ông Thiệu cho rằng ông Thiệu đã dựa vào những cam kết mật của tổng thống Nixon nên đã chấp nhận ký kết Hiệp Định Paris vì không hiểu rõ tổ chức công quyền của Hoa Kỳ – thẩm quyền của hành pháp và lập pháp. Như tiến sĩ Kissinger đã nhận định: đó chỉ là những ý định của tổng thống Nixon, không có tính cách cam kết quốc gia vì không có phê- chuẩn của quốc-hội

Đ. - Vào lúc bấy giờ ông Thiệu cũng hiểu như giải thích của Kissinger sau này, nhưng ông cũng hiểu rõ vị thế yếu kém của VNCH và giới hạn cuối cùng mà ông có thể đòi hỏi ở Nixon. Ông Thiệu có chủ định rõ ràng là mua thời gian còn lại của nhiệm kỳ Nixon trong hoàn cảnh "còn nước còn tát".

Chúng ta cần nhớ rằng không hề có một hiệp ước Việt Mỹ nào về việc Mỹ đổ quân và tham chiến ở Việt Nam cũng như không có một văn kiện pháp lý nào về quy chế trấn đóng của quân đội đồng minh trên lãnh thổ Việt Nam bấy giờ. Những tiểu đoàn TQLC Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Đà Nẵng đầu năm 1965 dưới thời chính phủ Phan Huy Quát, ông Thiệu là Tổng trưởng Quốc Phòng kiêm Phó Thủ tướng; ông nói với tôi: tình hình bấy giờ hơn hai phần ba lãnh thổ bị cộng sản ung thối, nếu quân đội Mỹ không can thiệp kịp thì miền Nam mất. Thời đệ I Cộng Hòa, tổng thống Diệm muốn có một hiệp ước hỗ-tương như ở Đại Hàn nhưng người Mỹ từ chối. Các cố vấn quân sự Mỹ đến và đi không qua sự kiểm soát của nhà chức trách Việt Nam. Miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến chống cộng sản hoàn toàn bị phụ thuộc Hoa Kỳ, chúng ta không ở vào vị thế có thể đặt điều kiện với họ. Quân đội Mỹ muốn đến là đến, muốn đi là đi, hậu quả là vấn đề đơn phương rút quân, Việt Nam hóa, Hiệp Định Paris... Tương quan Việt Mỹ là một tương quan thực tế mà người Mỹ cố tình không để bị ràng buộc vào những văn kiện pháp lý "giấy trắng mực đen" như ở Triều tiên, Nhật bản, Âu châu là những nơi Hoa Kỳ có mục tiêu dài hạn.

H. - Đến bao giờ thì ông Thiệu mất tin tưởng vào các cam kết mật của Nixon? Vụ ông Thiệu quyết định không tái chiếm Phước Long vào đầu năm 1975 có phải là một trắc nghiệm về những cam kết mật hay không?

Đ.– Ngay sau cuộc gặp gỡ Thiệu – Nixon tại San Clemente tháng 4/73. Về phương diện biểu kiến cuộc gặp gỡ mang nhiều ý nghĩa tích cực như là một sự xác nhận các cam kết mật, sự tiếp tục ủng hộ của Hoa Kỳ với VNCH và đặc biệt với ông Thiệu, nhưng thực tế hoàn toàn trái ngược.

Cuộc gặp gỡ mặt đối mặt đã khẳng định cho ông Thiệu thấy không còn hy vọng vào các cam kết mật cũng như các viện trợ quân sự và kinh tế đã được hứa hẹn trước đây. Đây là lý do và thời điểm quyết định việc tu chính hiến pháp: gia tăng nhiệm kỳ 3 tổng thống. Cuộc độc cử 1971 đã làm sút giảm uy tín chính trị của ông Thiệu; Hiệp Định Paris thừa nhận cho quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam, ngưng bắn tại chỗ, chính phủ liên hiệp ba thành phần đã hoàn toàn xóa bỏ lập trường bốn không của ông; người Mỹ đã hoàn tất việc rút quân và lấy lại tù binh; và nay là hiểm họa Hoa Kỳ bỏ rơi... khiến ông Thiệu bị lột trường như câu chuyện ông vua không quần áo (the emperor without any clothes) và hoàn toàn trắng tay. Tư thế lãnh đạo của ông Thiệu bị đặt trong hoàn cảnh thử thách nghiêm trọng và đây là lý do thực sự của vụ tu chính hiến pháp đã không bao giờ được tiết lộ. Nội dung tu chính bấy giờ được giữ mật vì phải chờ sau cuộc bầu cử bán phần Thượng nghị viện tháng 10/73 mới đủ túc số thực hiện.

Việc tu chính không nhằm vào nhiệm kỳ 3 Tổng Thống mà mục đích thực sự là bày tỏ sự tín nhiệm của dân chúng qua Quốc Hội "để tái trang bị" tư thế lãnh đạo của ông Thiệu hầu đối phó với tình thế mới. Dù muốn hay không sinh mạng chính trị của ông Thiệu đã gắn liền với sự còn mất của chế độ và sau ông sẽ là trận hồng thủy. Trong cuộc gặp các dân biểu, nghị sĩ ủng hộ tu chính Hiến Pháp tại hội trường khách sạn Majestic vào đêm trước hôm biểu quyết, tôi có nói rõ: "đây không phải là hành động ủng hộ cá nhân tổng thống Thiệu mà là hành động của mỗi chúng ta để tự cứu". Có thể họ hiểu là tình hình nghiêm trọng nhưng không biết là đang bị Hoa Kỳ bỏ rơi và đất nước đã ở trên bờ vực thẳm.

Nếu Kissinger đã tiên liệu thời gian có thể coi được (decent interval) từ HĐ Paris 1/73 đến lúc miền Nam sụp đổ là một năm rưỡi thì ông Thiệu đã tiên liệu một thời gian ngắn hơn. Đầu năm 1974 cũng là lúc Quốc Hội biểu quyết tu chính Hiến Pháp, ông Thiệu nói tại Hội đồng Tổng trưởng: "...các quan sát viên quốc tế rất ngạc nhiên khi thấy chúng ta còn ngồi ở đây hôm nay, tất cả đều nghĩ rằng miền Nam Việt Nam chỉ có thể tồn tại không quá sáu tháng sau HĐ Paris...". Như một người chết đuối vớ bất cứ bè bọt nào, ông ra lệnh mật cho Bộ Tổng Tham Mưu kiểm thính điện đài các dàn khoan để tìm hiểu trữ lượng dầu hỏa với hy vọng Mỹ sẽ không bỏ rơi Việt Nam, ông nói: tôi sẽ làm bộ trưởng dầu hỏa chứ không làm tổng thống. Ông chỉ thị cho chính phủ tạo điều kiện dễ dàng cho ngoại quốc đầu tư, ông nói với tôi: bây giờ cho không để bọn nó vào (đầu tư) cũng phải "cho không".

Đối với cộng sản, cuộc tấn công chiếm Phước Long đầu năm 1975 là một trắc nghiệm về ý đồ tái can thiệp của Mỹ được mệnh danh là đòn "trình sát chiến lược", sau đó Bộ Chính trị đã quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên và tiếp theo là chiến dịch Hồ Chí Minh. Đối với ông Thiệu quyết định không tái chiếm Phước Long vì sẽ tổn thất rất nặng không thể bù đắp, có chiếm lại cũng không giữ được, lực lượng trừ bị không còn và phải bảo toàn lực lượng cho các cuộc tấn công sắp tới của cộng sản.

H.– Ngoài việc tu chính gia tăng ba nhiệm kỳ Tổng Thống, còn có việc gia tăng thời hạn mỗi nhiệm kỳ từ 4 năm lên 5 năm.

Đ.– Lý do được viện dẫn của tu chính là chương trình kinh tế ngũ niên nhưng sự thực là chúng tôi muốn có khoảng cách xa giữa cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ và Tổng Thống Việt Nam vì nhiệm kỳ Tổng Thống Mỹ cũng 4 năm, và cứ 4 năm thì nước Mỹ lại bị một cơn sốt chính trị ảnh hưởng nặng nề đến cuộc bầu cử Tổng Thống Việt Nam. Đây không phải là mục tiêu chính của tu chính Hiến Pháp nhưng nhân việc tu chính Hiến Pháp thì chúng tôi bỏ vào luôn.

H. - Ông Thiệu có tham khảo ý kiến của người Mỹ về việc tu chính Hiến Pháp hay không?

Đ. - Không.

Như tôi đã nói ở trên, nội dung tu chính Hiến Pháp đã được quyết định ngay sau khi tổng thống Thiệu ở San Clemente về nhưng được giữ mật cho đến sau cuộc bầu cử bán phần TNV tháng 10/73. Đại sứ Martin chỉ được tổng thống Thiệu thông báo sau khi dự luật tu chính được đệ nạp tại Quốc hội tức là vào khởi đầu giai đoạn công khai. Ông Thiệu nói với tôi: Ngày hôm qua tôi có mời ông Martin vào đây (dinh Độc Lập) để thông báo về việc chúng ta tu chính Hiến Pháp – tôi nói với ông Martin là tôi nhận thấy có bốn phạm phải thông báo cho ông đại sứ vì Hoa Kỳ là đồng minh chính yếu đã giúp đỡ chúng tôi trong cuộc chiến... Cụ Hương được ông Thiệu thông báo vào lúc dự luật tu chính được đưa cho các dân biểu, nghị sĩ đứng tên tác giả v.v... Nội vụ

hoàn toàn được giữ mật cho đến giờ cuối. ÔNG NGÂN NÓI NHIỀU về vai trò xấu xí của người Mỹ tại Việt Nam. Điều này không phải là một khám phá mới. Chúng ta cảm phục chế độ chính trị dân chủ và tổ chức kinh tế, xã hội công bằng và cởi mở của Hoa Kỳ, nhưng nhiều người bất mãn về ngoại chính của họ đối với Việt Nam ngày trước, và đối với nhiều nước khác hiện nay.

Ông Ngân cũng thành công trong việc vẽ ra một ông Thiệu sợ Mỹ hơn sợ Việt Cộng, ưu tư và toan tính đối phó với Mỹ hơn là tìm cách bảo vệ miền Nam bằng những phương tiện quân sự eo hẹp hơn, nhưng cũng thích hợp hơn với hoàn cảnh của đất nước. Nhưng ông không trả lời đúng vào câu hỏi thứ 3, về việc ông Thiệu không làm những điều cần phải làm để bảo vệ đất nước trong giả thuyết người Mỹ giải kết. Ông nói ông không bào chữa cho ông Thiệu, nhưng trút toàn bộ trách nhiệm làm mất Việt Nam cho Hoa Kỳ lại là cách bào chữa kiến hiệu nhất. Ông Thiệu sợ Mỹ nhưng cũng chính ông lại tuyên bố là "không có viện trợ Mỹ, tôi không làm tổng thống nữa", xin ông Ngân giải thích mâu thuẫn này. Quan trọng nhất vẫn là vai trò của ông Thiệu trong những ngày tháng cuối cùng của Nam Việt.

Nguyễn Đạt Thịnh